

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Số: *138*/STNMT- KHTC

Điện Biên, ngày *22* tháng 6 năm 2018

V/v tổng hợp báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của BCH Trung ương Đảng khóa XI về chủ trương ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

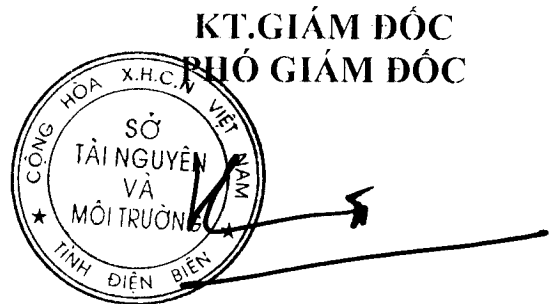
Thực hiện Công văn số 1547/UBND-KTN ngày 13/6/2018 của UBND tỉnh V/v tổng hợp báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương trên địa bàn tỉnh.

Sau khi tổng hợp báo cáo của các các sở ngành và UBND các huyện thị xã, thành phố; Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự thảo báo cáo của Ban Thường vụ tỉnh ủy sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của BCH Trung ương Đảng khóa XI về chủ trương ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo mẫu đề cương, nội dung yêu cầu (Có dự thảo báo cáo kèm theo).

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, trình Ban cán sự Đảng tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo sở;
- Phòng KHTC: *[Signature]*
- Lưu VT.



**Phan Hiền**

Số: BC/TU

Điện Biên, ngày tháng 6 năm 2018

DƯ THẢO**BÁO CÁO**

**sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của BCH Trung ương Đảng khóa XI về chủ trương ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.**

Ngày 11-5-2018, Ban Chỉ đạo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW có công văn số 05-CV/BCĐ về việc báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên báo cáo kết quả thực hiện với những nội dung sau:

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN.**

**1. Việc tuyên truyền, quán triệt, xây dựng và ban hành chương trình hành động, kế hoạch, tổ chức thực hiện Nghị quyết.**

Sau khi tiếp thu Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của BCH Trung ương Đảng khóa XI về chủ trương ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện tới cán bộ đảng viên và nhân dân; đồng thời đã ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 06/6/2014 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường để triển khai thực hiện. Kết quả 100% tổ chức đảng, 95% cán bộ đảng viên tham gia học tập và tích cực triển khai các hoạt động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của địa phương, của ngành bằng nhiều hình thức. Đài Phát thanh- Truyền hình tỉnh, Báo Điện Biên Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị chức năng xây dựng, tổ chức thực hiện các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về nội dung của Nghị quyết 24-NQ/TW.

**2. Việc thể chế các quan điểm chủ trương của Đảng trong Nghị quyết**

Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các địa phương đặc biệt là ngành tài nguyên và môi trường đẩy mạnh công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; nội dung này được các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đưa vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội hàng năm.

Sau 05 năm triển khai thực hiện, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các ngành đã xây dựng và ban hành nhiều chương trình, kế hoạch, quyết định triển khai thực hiện tại địa phương; cụ thể như sau:

- Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 06/6/2014 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Kế hoạch hành động chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

- Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 25/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực Nước sạch và Vệ sinh môi trường.

Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên kế hoạch hành động nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước giai đoạn 2014 – 2020 trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2015;

- Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về quy chế quản lý, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Chỉ thị số 3163/UBND-TNN ngày 04/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch 620/KH-UBND ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh Điện Biên triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ và giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Quy hoạch phân bổ tài nguyên nước tỉnh Điện Biên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

- Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành kế hoạch hành động áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020.

- Kế hoạch số 3763/KH-UBND ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện thỏa thuận Paris về Biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG NGHỊ QUYẾT SỐ 24-NQ/TW.**

### **1. Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ chung.**

a) *Kết quả chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.*

Trong những năm qua, tỉnh Điện Biên đã và đang triển khai thực hiện một số nội dung về tăng trưởng gắn với cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững như sau:

- Về xây dựng khung hướng dẫn lồng ghép tăng trưởng xanh vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ngành và địa phương: Công tác quy hoạch, trong thời gian qua, tỉnh đã rà soát công tác quy hoạch phát triển, trong đó có Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ, Quy hoạch phát triển nông nghiệp, Quy hoạch điện lực, Quy hoạch tổng thể phát triển dịch vụ, đặc biệt trong Quy hoạch chung đô thị thành phố Điện Biên Phủ đến năm 2030, tầm nhìn 2050 đã chú ý đến những quan điểm tăng trưởng xanh; Rà soát quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, đặc biệt những ngành có tác động nhiều tới tài nguyên, môi trường, có hiệu quả sử dụng vốn và tài nguyên không cao, để xác định yêu cầu xanh hóa sản xuất, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải một cách có hiệu quả vào các quy hoạch hiện có và quy hoạch mới; Một số quy hoạch, kế hoạch xây mới đã nghiên cứu lồng ghép các nội dung về quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng ưu tiên,... của Chiến lược tăng trưởng xanh, Chiến lược phát triển bền vững tỉnh giai đoạn 2011 -- 2020, tầm nhìn đến 2030.

- Thực hiện các đề án, phương án, chương trình gắn với tăng trưởng xanh và phát triển bền vững như: Đang nghiên cứu lập đề án “Đầu tư phát triển các loại hình giao thông công cộng sạch và hiệu quả” và chính sách “Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển, sử dụng dịch vụ giao thông công cộng với chất lượng tốt”; Lựa chọn và xây dựng kế hoạch đầu tư cải thiện hạ tầng kỹ thuật của một số đầu mối giao thương quốc tế, trung tâm du lịch, đô thị cũ xuống cấp nghiêm trọng nhằm nâng cao chất lượng nhà ở, cung cấp năng lượng, giao thông, cấp thoát nước và cảnh quan môi trường; Rà soát xây dựng phương án “Đẩy nhanh tiến độ các dự án trồng rừng, tái trồng rừng, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào trồng rừng kinh tế để nâng tỉ lệ che phủ rừng, nâng cao chất lượng rừng, tăng khả năng hấp thụ khí CO<sub>2</sub> của rừng, tăng sinh khối để tăng tích trữ các bon và đảm bảo cung cấp gỗ cho sản xuất và tiêu dùng” và phương án “Phát triển rừng trên đất trống, đồi núi trọc”; Đang nghiên cứu xây dựng, thực hiện các chương trình về giảm phát thải khí nhà kính thông qua những nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng (REDD+), quản lý rừng bền vững, kết hợp với duy trì và đa dạng hóa sinh kế dân cư các vùng, địa phương, hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu và triển khai rộng rãi các chính sách huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế - xã hội trong bảo tồn, phát triển bền vững rừng và các hệ sinh thái tự nhiên.

- Đã thực hiện phát động phong trào tiêu dùng tiết kiệm (trước hết đối với nước, điện, giấy), chống lãng phí, bảo vệ và làm giàu thêm đối với tài nguyên và của cải xã hội.

- Đang áp dụng một số công cụ kinh tế (thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế và phí xăng, dầu, sinh thái) để điều chỉnh những hành vi tiêu dùng không hợp lý, trước hết đối với những sản phẩm có hại cho sức khỏe, văn hóa và môi trường (rượu,

thuốc lá, túi nilông, v.v...) số vốn thu thuế được giai đoạn 2012-2017 là bảo vệ môi trường là 404.424 triệu đồng.

- Thường xuyên giám sát sản xuất và tiêu dùng thực phẩm an toàn, khuyến khích và hỗ trợ kỹ thuật để người dân thực hiện các mô hình sản xuất sinh thái và tuyên truyền thúc đẩy phong trào sản xuất "Hàng Việt Nam chất lượng cao" trong các doanh nghiệp và phong trào "Người Việt dùng hàng Việt" trong dân cư.

*b) Ban hành bộ chỉ số đánh giá kết quả phát triển bền vững, tăng trưởng xanh đưa vào bộ tiêu chí quốc gia.*

Hình thành hệ thống tiêu chí, chỉ số toàn diện, phù hợp, khả thi nhằm đo lường, đánh giá hiệu quả hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường làm căn cứ để hoạch định chính sách, giám sát, đánh giá về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững ở địa phương.

*c) Thí điểm phát triển mô hình kinh tế xanh, công nghiệp xanh, đô thị xanh, nông thôn xanh.*

- Đang triển khai thực hiện: Ưu tiên phân bổ đất công để nhanh chóng nâng cao diện tích không gian xanh và mặt nước ở các đô thị, đạt tiêu chuẩn diện tích cây xanh đô thị tính theo đầu người đã quy định cho từng loại đô thị và khuyến khích cộng đồng, doanh nghiệp và các hộ gia đình thực hiện các giải pháp xanh hóa cảnh quan đô thị.

- Thực hiện xây Quy hoạch nông thôn theo các tiêu chuẩn sống tốt, bảo vệ và phát triển cảnh quan và môi trường xanh, sạch, đẹp, văn minh. Nhân rộng các mô hình xây dựng làng, nhà ở sinh thái phù hợp với điều kiện khí hậu, phong tục tập quán, lối sống của từng dân tộc và địa phương. Hỗ trợ thực hiện các mô hình sản xuất ở nông thôn theo chu trình sinh thái khép kín, mô hình xử lý tốt chất thải làng nghề.

- Đang triển khai cung cấp các giải pháp xây dựng công trình kinh tế và dân sinh thích ứng với biến đổi khí hậu và chủ động phòng ngừa tác động của thiên tai và thực hiện cải thiện cơ cấu chất đốt ở nông thôn để giảm phát thải và nâng cao chất lượng sống cho dân cư nông thôn. Khuyến khích và hỗ trợ các hộ gia đình nông thôn sử dụng rộng rãi các nguồn năng lượng tái tạo.

*d) Lồng ghép mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương.*

Việc lồng ghép mục tiêu biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược, quy hoạch phát triển lĩnh vực ngành trên địa bàn tỉnh đang từng bước được triển khai thực hiện. Các cơ quan, ban, ngành đã chủ động lồng ghép chính sách bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Được thể hiện cụ thể trong: các Nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội hàng năm; Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030...

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể.**

## **2.1 Về ứng phó với biến đổi khí hậu.**

*a) Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu.*

Nhằm tăng cường công tác ứng phó, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 về việc thành lập Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Điện Biên. Đồng thời, ban hành kịp thời các chỉ thị về việc chủ động phòng, chống, ứng phó với thiên tai và khắc phục hậu quả sau mưa lũ trên địa bàn tỉnh Điện Biên: Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 13/2/2017 về việc phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2017.

Chủ động theo dõi diễn biến tình hình mưa, thời tiết, mực nước của các trạm đo và các hồ chứa trong tỉnh, xác định các vùng trọng điểm có nguy cơ xảy ra sạt lở, lũ quét... để xây dựng phương án phòng ngừa, nhằm chủ động xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống có thể xảy ra. Kết quả, tổng số lượng người dân được tập huấn, đào tạo nâng cao hiểu biết về thích ứng với BĐKH, thiên tai ở những vùng có nguy cơ cao năm 2017: 1.087 người, tăng gấp 12 lần so với số người được tập huấn, đào tạo năm 2012 (90 người). Ước thiệt hại về tài sản năm 2017 là 156.598 triệu đồng, giảm 50.822 triệu đồng so với năm 2012 (207.420 triệu đồng). Năm 2017 Đài khí tượng, thủy văn tỉnh Điện Biên đã xuất bản 31 bản tin cảnh báo mưa lớn; 12 bản tin cảnh báo dông sét; 161 bản tin ATNĐ, bão; 11 bản tin cảnh báo lũ, tin lũ; 02 bản tin cảnh báo rét đậm, rét hại và băng giá; 15 bản tin nắng nóng. Dự báo và cảnh báo kịp thời các hiện tượng mưa lớn trên diện rộng và lũ từ cấp báo động II trở lên. Chất lượng công tác dự báo KTTV theo đánh giá của phòng Dự báo Đài KTTV khu vực Tây Bắc, các hạng mục dự báo vượt chỉ tiêu từ 4,8 - 12,7%.

Đồng thời, để đảm bảo cho các khu vực thường xuyên bị sạt lở, trượt lở đất đá, lũ quét. UBND tỉnh Điện Biên đã triển khai thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu thiệt hại do các tai biến gây ra cụ thể như: Phê duyệt kết quả dự án "Điều tra hiện trạng, nguyên nhân, dự báo nguy cơ sạt lở, trượt lở khu vực trung tâm xã Huổi Sớ, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên" tại Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh Điện Biên (điều tra cụ thể đưa ra giải pháp di dời Trụ sở UBND xã, Trường THCS, Trường tiểu học, trường mầm non, trạm xã, Bưu điện cùng với 18 hộ dân sinh sống tại khu vực bị ảnh hưởng bởi hoạt động sạt lở); Phê duyệt dự án bố trí ổn định dân cư vùng có nguy cơ sạt lở, lũ quét, đặc biệt khó khăn tại các bản Suối Lư I, II, III đến định cư tại khu vực Huổi Po xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên (thực hiện các biện pháp để tiến hành di dời 74 hộ dân trong khu vực có nguy cơ sạt lở); Phê duyệt điều chỉnh quy mô đầu tư và thời gian thực hiện dự án di chuyển dân cư nơi nguy cơ sạt lở cao đời sống đặc biệt khó khăn thuộc các bản Hua Múc 1, Hua Múc 2, Pu Si đến định cư tại các bản Hua Múc 2, xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên tại Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 20/04/2015 của UBND tỉnh Điện Biên; Phê duyệt điều chỉnh quy mô đầu tư và thời gian thực hiện dự án di chuyển dân cư nơi nguy cơ sạt lở, lũ ống, lũ quét, đời sống đặc biệt khó khăn thuộc các bản Nậm Bay, Pa Cá đến định cư tại khu

Phiêng Xanh, xã Mùn Chung huyện Tuần Giáo tại Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 20/4/2015.

Về đảm bảo an toàn các hồ chứa nước; địa phương đã chỉ đạo, yêu cầu các chủ hồ tiến hành kiểm tra đánh giá chung về ổn định hồ, đập; phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp để xây dựng, cập nhật, bổ sung phương án phòng, chống lụt, bão của hồ, đập. Trong đó, tập trung kiểm tra các công trình đầu mối hồ chứa, đập dâng nước, tràn xả lũ, cống lấy nước;

Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện kịch bản biến đổi khí hậu; tỉnh Điện Biên đang tiến hành lập, xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với Biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Xây dựng Kế hoạch số 3763/KH-UBND ngày 25/12/2017 triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện thoả thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

*b) Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bảo vệ, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính.*

Tăng cường vai trò chủ đạo của Nhà nước trong giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, hoàn thiện và tăng cường thể chế; tăng cường sự tham gia của toàn hệ thống chính trị trong tổ chức chỉ đạo, phối hợp liên ngành về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý các vấn đề biến đổi khí hậu từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Xây dựng đồng bộ các cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp, các nhà khoa học vào các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; thiết lập các cơ chế hỗ trợ cộng đồng dân cư, khuyến khích các tổ chức phi chính phủ tham gia vào các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng; sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, ứng dụng năng lượng tái tạo trong khu vực dân cư, thương mại và dịch vụ; phát triển vận tải hành khách công cộng, đặc biệt là phương thức vận tải nhanh trong khu vực đô thị.

Đẩy mạnh khai thác có hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng; khuyến khích người dân áp dụng các công nghệ thích hợp để giảm khí thải nhà kính từ việc sử dụng nhiên liệu như sử dụng hầm biogas trong chăn nuôi để tận thu khí  $CH_4$  phục vụ cho đun nấu, sử dụng bếp đun cải tiến, đèn tiết kiệm điện, các phương tiện giao thông ít phát thải khí nhà kính.

Phổ biến rộng rãi công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, phế thải trong sản xuất nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi, trồng nấm, làm nguyên liệu công nghiệp, biogas và khuyến khích sử dụng phân bón hữu cơ thay thế cho phân vô cơ; nghiên cứu, hợp tác xây dựng các mô hình giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Sử dụng men sinh học xử lý chất thải chăn nuôi,

ứng dụng phổ biến thức ăn giàu dinh dưỡng trong ngành chăn nuôi để tăng khả năng hấp thu, giảm phát thải khí nhà kính.

Khuyến khích tăng cường khảo nghiệm giống mới và ứng dụng các giống mới có khả năng chống chịu, giảm thiểu phát thải khí nhà kính, năm 2013 trên địa bàn tỉnh đã tiến hành khảo nghiệm 01 giống lúa DT39 và 02 giống ngô lai (HT818, NK4300), đến năm 2017 thông qua kết quả khảo nghiệm, đã bổ sung vào cơ cấu giống của tỉnh 05 giống cây trồng bao gồm: 03 giống lúa: J02, TBR 225, Sơn lâm 2; 02 giống ngô: LVN125, LVN092.

Triển khai thực hiện Kế hoạch REDD+, thông qua các buổi hội thảo, tuyên truyền, tập huấn; thực hiện các hoạt động trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên, các hoạt động phát triển sinh kế (nuôi ong, nuôi cá, trồng rau, cây ăn quả...) dự án góp phần nâng cao độ che phủ rừng, tăng sinh kế cho người dân vùng dự án.

## 2.2 Về quản lý tài nguyên.

a) *Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế, thực trạng và xu hướng diễn biến của các nguồn tài nguyên quốc gia.*

### - Tài nguyên Khoáng sản:

Điện Biên là tỉnh miền núi Tây Bắc nằm trong khu vực có cấu trúc địa chất phức tạp. Theo số liệu điều tra đánh giá của Cục Địa chất Khoáng sản Việt Nam, Điện Biên là tỉnh có tiềm năng, triển vọng về tài nguyên khoáng sản. Kết quả của công tác điều tra tài nguyên khoáng sản hiện tại đã ghi nhận trên địa bàn tỉnh có khoảng 20 loại khoáng sản, gồm các loại khoáng sản rắn và một số nguồn nước nóng, nước khoáng, cụ thể: Khoáng sản nhiên liệu có than đá; kim loại gồm có: sắt, chì kẽm, đồng, vàng, nhôm và antimon; khoáng chất công nghiệp gồm có: alit, barit, kaolin, pyrit, quarzit, talc; nước nóng-nước khoáng; Đặc biệt trên địa bàn tỉnh Điện Biên có tiềm năng rất lớn đối với khoáng sản vật liệu xây dựng gồm có: đá ốp lát, đá vôi trắng, đá vôi, sét xi măng, sét gạch ngói, cát cuội sỏi và đá xây dựng thông thường. Cụ thể:

+ *Khoáng sản nhiên liệu:* Trong diện tích tỉnh Điện Biên có than đá. Số lượng các điểm khoáng sản than trong tỉnh khá lớn. Tuy nhiên, hầu hết than ở đây có quy mô nhỏ, chất lượng thấp. Nên thăm dò, quy hoạch khai thác phục vụ công nghiệp địa phương.

+ *Nước khoáng, nước nóng:* là một trong những loại khoáng sản phong phú nhất của Tỉnh nhưng chưa được thăm dò, khai thác, sử dụng đúng mức. Thời gian tới cần đẩy mạnh thăm dò, khai thác phục vụ du lịch và dân sinh.

+ *Khoáng sản vật liệu xây dựng:* Trên diện tích Tỉnh có tiềm năng rất lớn bao gồm: Sét gạch ngói, đá xây dựng, cát cuội sỏi.

Nhằm phát triển bền vững ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, đáp ứng tối đa nhu cầu về nguyên vật liệu cho phát triển kinh tế của địa phương và tạo ra sản phẩm có chất lượng xuất khẩu ra ngoài tỉnh, UBND tỉnh Điện Biên đã phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến giai đoạn đến năm 2015, có xét đến năm 2020 tại Quyết định số 1053/QĐ-UBND



ngày 31/8/2010 và Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 07/4/2014; Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 31/7/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt bổ sung điểm mỏ vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản; Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 53/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án khoanh định khu vực đấu giá, không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên; Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 về việc Ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Kế hoạch số 3092/KH-UBND ngày 22/8/2014 của UBND tỉnh triển khai việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Tuy nhiên do chưa có nguồn kinh phí điều tra thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản nên mới chỉ dừng lại ở điều tra, đánh giá tiềm năng. Vì vậy, chưa có kết quả thăm dò khoáng sản ở khu vực các điểm mỏ nên chưa có cơ sở thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- **Tài nguyên đất:** Điều tra thoái hóa đất kỳ đầu trên địa bàn tỉnh đã được triển khai hoàn thành và được phê duyệt tại Quyết định 909/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh. Kết quả điều tra thoái hóa đất kỳ đầu công bố để các huyện, thị xã, thành phố cập nhật thông tin về tình trạng thoái hóa đất, nguyên nhân thoái hóa đất và đưa ra những giải pháp kịp thời để người sử dụng đất có biện pháp canh tác sử dụng theo chiều sâu, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, bố trí mùa vụ thích hợp, tránh thiên tai đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất nông nghiệp và hạn chế quá trình thoái hóa đất tăng độ phì của đất.

- **Tài nguyên nước:** Đã phê duyệt quy hoạch phân bổ tài nguyên nước tỉnh Điện Biên đến 2025, tầm nhìn đến 2035 tại Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Điện Biên; Đẩy mạnh công tác điều tra, cung cấp thông tin, số liệu phục vụ lập quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2040.

*b) Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia.*

#### **- Tài nguyên khoáng sản:**

Trong những năm vừa qua, tỉnh Điện Biên đã có chủ trương thu hút đầu tư trong lĩnh vực khai thác chế biến khoáng sản với quy mô công nghiệp, khuyến khích, ưu tiên sử dụng công nghệ tiên tiến, giảm thiểu tác động đến môi trường trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản. Công tác quản lý nhà nước về hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản đã có những chuyển biến khá tốt, hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản tuy có mức tăng trưởng chưa cao, nhưng khá ổn định, công tác an toàn trong khai thác, chế biến được đảm bảo, công tác đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, bảo vệ môi trường trong khai thác, chế biến được các Doanh nghiệp quan tâm, việc chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản ngày được cải thiện, đi vào nề nếp.

Tuy nhiên, do điều kiện giao thông và kinh tế còn nhiều khó khăn nên công tác nghiên cứu, điều tra về địa chất, khoáng sản còn hạn chế; nhiều điểm mỏ chưa được đầu tư đánh giá một cách đúng mức làm cơ sở cho quy hoạch, định hướng phát triển ngành công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản của địa phương. Đối với các điểm mỏ khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường đã và đang được các tổ chức, cá nhân đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến cơ bản đáp ứng nhu cầu đá vật liệu xây dựng của các công trình trên địa bàn tỉnh, giảm chi phí đầu tư xây dựng công trình, tạo việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản được thực hiện trên cơ sở quy hoạch khoáng sản, phù hợp với năng lực chế biến, sử dụng và bảo đảm yêu cầu về môi trường, tính đến năm 2017 toàn tỉnh đã cấp 33 giấy phép thăm dò, 28 giấy phép khai thác khoáng sản. Trên địa bàn tỉnh không có tổ chức, cá nhân xuất khẩu khoáng sản thô.

### **- Tài nguyên đất**

+ **Đổi mới công tác lập kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất:** Việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn hướng dẫn thi hành luật; đã đánh giá tính liên kết, đồng bộ giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới, quy hoạch ngành, lĩnh vực khác có sử dụng đất; cụ thể:

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu 2011-2015 của tỉnh Điện Biên đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 07/6/2013; Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Điện Biên được Chính phủ đã phê duyệt tại Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2018.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu 2011-2015 của 10/10 huyện, thị xã, thành phố đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định; Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020 đang được UBND tỉnh chỉ đạo hoàn thiện, phê duyệt

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện: Triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Kế hoạch sử dụng đất năm 2015, năm 2016, năm 2017 và năm 2018 của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố lập, hoàn thiện và phê duyệt theo đúng thời gian quy định.

+ **Xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai:** Hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ (huyện diêm) đưa vào vận hành, khai thác sử dụng (09 xã phường; 54.570 thửa đất); hiện đang tiếp tục triển khai thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn huyện Tủa Chùa.

+ **Thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả;** kết hợp bảo vệ diện tích, độ phì nhiêu của đất canh tác nông nghiệp; từng bước khắc phục tình

trạng mạnh mún, nhỏ lẻ trong sử dụng đất: Trên cơ sở chỉ tiêu sử dụng đất được Thủ tướng Chính phủ phân bổ; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Điện Biên được Chính phủ phê duyệt, quy hoạch kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã chỉ ra vị trí, quy mô, mục đích sử dụng đất, phục vụ cho mục tiêu quốc phòng, an ninh của tỉnh và mục tiêu phát triển của các ngành, các lĩnh vực, các huyện, thị xã, thành phố, phát huy tốt nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đảm bảo Nhà nước quản lý và sử dụng đất tiết kiệm khai thác hợp lý, có hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên đất đai, bảo vệ môi trường; chủ động trong công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, tạo nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thông qua đấu giá quyền sử dụng đất; diện tích đất chưa sử dụng được đưa khai thác sử dụng một cách hợp lý, góp phần cân bằng quỹ đất sử dụng vào các mục đích theo yêu cầu phát triển các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh; đặc biệt coi trọng việc cấm mốc ranh giới quy hoạch sử dụng đất đối với diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt, đến nay UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã thực hiện xong việc xác định diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt trên thực địa nhằm giảm thiểu các công trình, dự án có sử dụng đất lúa đảm bảo an ninh lương thực cũng như phát triển cây lúa có năng suất, chất lượng cao đem lại thu nhập cho người dân trên địa bàn tỉnh.

Phát triển thế mạnh riêng cho từng vùng như cây cao su tại các huyện như huyện Điện Biên, Mường Chà, Tuần Giáo; cây cà phê huyện Mường Ảng, nhân rộng cây Mắc ca trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ, Tuần Giáo, Mường Chà, Nậm Pồ, Mường Ảng, Điện Biên và Điện Biên Đông góp phần tăng thu nhập cho người dân, tạo sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như góp phần tạo sự chuyển biến mạnh trong nền kinh tế của tỉnh Điện Biên trong giai đoạn 2016-2020.

+ Đẩy mạnh khai thác quỹ đất chưa sử dụng, mở hướng đi mới trong khai thác quỹ đất miền núi cho mục đích phi nông nghiệp: Công khai hóa quỹ đất chưa sử dụng, đất chưa cho thuê, cho thuê lại tại các cụm công nghiệp, khu kinh tế, quỹ đất được Nhà nước giao, cho thuê nhưng chậm đưa đất vào sử dụng. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận đất đai; Tổng các nguồn thu từ đất đai (bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, đấu giá đất, thuế sử dụng đất, các loại phí, lệ phí từ đất đai) thu được từ ngày Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành đến 31/12/2017 trên địa bàn tỉnh Điện Biên là 726.827 triệu đồng. Diện tích đấu giá là 6,65 ha, trong đó đấu giá dùng vào mục đích thương mại dịch vụ diện tích là 0,17 ha; diện tích 6,48 ha đấu giá để giao đất có thu tiền sử dụng đất mục đích đất ở cho các hộ gia đình cá nhân.

+ Bảo vệ, phòng chống hoang mạc hóa, sa mạc hóa, thoái hóa đất canh tác nông nghiệp, đảm bảo diện tích đất cho phát triển rừng:

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, chủ yếu là những diện tích không chủ động nước, diện tích bị ảnh hưởng bởi thiên tai mưa lũ không thể gieo cấy lại lúa, phải chuyển đổi hoặc trên diện tích bãi tưới công trình thủy lợi bị ảnh hưởng, không đảm bảo được nước tưới. Kết quả thực hiện từ năm 2015-2017 đã chuyển đổi 422,1 ha sang trồng ngô, màu, cây ăn quả và

các loại cây có giá trị khác, trong đó: Diện tích đã thực hiện chuyển đổi năm 2015: 11,9 ha, năm 2017: 245,2 ha.

Giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch 388/KH- UBND của UBND tỉnh tạo điều kiện cho người sử dụng đất được hưởng lợi từ dịch vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng, bảo vệ, phát triển rừng. Tổng diện tích đất lâm nghiệp đã cấp cho các tổ chức, cộng đồng dân cư và các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh là: 325.808,14ha/602.073,1 ha, đạt 54,11% kế hoạch, cụ thể: giao đất, giao rừng và cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp cho 4.288 cộng đồng, hộ gia đình với diện tích 262.047,73 ha/288.405,44 ha đạt 90,9% và cấp giấy chứng nhận cho 3.937 cộng đồng, hộ gia đình với 5.642 giấy chứng nhận, tổng diện tích 260.720,17 ha. Giao đất, giao rừng và cấp GCNQSDĐ cho các tổ chức (các Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và Công an tỉnh) với tổng diện tích đất lâm nghiệp là 63.760,41 ha (đất có rừng là 47.050,2 ha, đất chưa có rừng là 16.710,2 ha).

#### **- Tài nguyên nước:**

+ Quy hoạch khai thác, bảo vệ nguồn nước, tăng cường quản lý nguồn nước theo lưu vực sông; tích nước, điều tiết nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế- xã hội; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác và sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và bền vững; Lập và triển khai thực hiện Dự án: "Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước mặt chính, quan trọng trên địa bàn tỉnh Điện Biên"; Đôn đốc các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản: Huy động, bố trí nguồn kinh phí, tổ chức phát động phong trào thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản tại lòng hồ thủy điện Sơn La trên địa bàn thị xã Mường Lay; tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm, hiểu biết pháp luật đến người dân về công tác tái tạo, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kêu gọi các tổ chức, cá nhân tham gia công tác thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học. Vận động người dân không đánh bắt các loài thủy sản ngay sau thời điểm thả giống phóng sinh, tái tạo nguồn lợi thủy sản.

*c) Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống.*

Đẩy mạnh đầu tư phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỷ trọng sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo trong tổng năng lượng quốc gia. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

### **2.3. Về bảo vệ môi trường.**

#### *a. Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường.*

Trong những năm qua, tỉnh Điện Biên đã xác định công tác phòng ngừa, kiểm soát các nguồn ô nhiễm môi trường và quản lý chất thải là hoạt động trong

tâm của công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Các hoạt động kiểm tra, giám sát được tập trung vào các vấn đề nóng, các vấn đề môi trường bức xúc nổi cộm trên địa bàn tỉnh như xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, xử lý môi trường trong lĩnh vực y tế.

Nâng cao năng lực, hiệu quả đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường, bảo đảm chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường từ khâu lập, phê duyệt, triển khai thực hiện cụ thể:

Trong thời gian qua đã tổ chức thẩm định, phê duyệt 54 báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung, 01 báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, 10 đề án bảo vệ môi trường chi tiết, 27 dự án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản; 03 đề án bảo vệ môi trường; cấp 117 Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; Thẩm định và xác nhận: 456 bản cam kết bảo vệ môi trường; 120 đề án bảo vệ môi trường và 150 bản kế hoạch bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh hướng dẫn các doanh nghiệp, nhà máy, cơ sở sản xuất- kinh doanh, làng nghề... đầu tư áp dụng các biện pháp, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính và khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường.

Công tác quản lý, thu gom và xử lý chất thải nguy hại ngày càng được chú trọng, tỷ lệ thu gom xử lý chất thải nguy hại tăng lên (tỷ lệ thu gom trung bình của tỉnh đạt 75%). Tỉnh cũng đã tăng cường công tác quản lý đối với chất thải nguy hại phát sinh. Riêng chất thải y tế tại các bệnh viện và cơ sở y tế tư nhân được xử lý bằng hình thức đốt tại các lò đốt chất thải y tế.

Tăng cường công tác quan trắc môi trường; tỉnh đã ban hành Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 về việc phê duyệt mạng lưới điểm quan trắc môi trường tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016 -2020; tổ chức thực hiện chương trình quan trắc định kỳ hàng năm và báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Điện Biên giai đoạn 2010 – 2015, báo cáo chuyên đề môi trường đô thị tỉnh Điện Biên năm 2017, báo cáo chuyên đề môi trường nước năm 2018, quan trắc phân tích môi trường bãi rác trung tâm các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường các hoạt động tổng hợp kế hoạch thực hiện Chương trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai, thích ứng BĐKH hàng năm, đặc biệt vào mùa mưa lũ. Thường xuyên kiểm tra tình hình sản xuất, các công trình và khu vực sạt lở, chuẩn bị lực lượng và dự trữ vật tư, diễn tập phòng chống lụt bão, đối phó khi có sự cố...

*b. Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân, hạn chế tác động do ô nhiễm môi trường đến sức khỏe của nhân dân.*

Tăng cường kiểm tra giám sát các hoạt động về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Trong đó tập trung vào đối tượng làng nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng... để kịp thời phát hiện xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; Thực hiện hiệu quả công tác thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp. Giai đoạn năm

2013 – 2018 đã thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra 830 lượt đối với 170 cơ sở, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Lập 180 biên bản nhắc nhở và yêu cầu các đơn vị hoàn thiện, khắc phục nội dung sai phạm. Lập biên bản vi phạm hành chính 234 vụ vi phạm với tổng số tiền phạt 1.237 triệu đồng; Tổ chức 6 đoàn thanh tra, kiểm tra tuần lễ vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ của tỉnh.

Hướng dẫn quy trình phòng dịch, tiêu hủy gia súc, gia cầm mắc bệnh (Lở mông long móng, H5N1, H1N1) và thực hiện giám sát việc xử lý môi trường sau khi chôn lấp. Thực hiện xử lý tiêu hủy 1.705 kg thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng và bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện thu gom và xây dựng kế hoạch tiêu hủy với vỏ bao bì thuốc BVTV phát sinh hằng năm.

Tăng cường công tác kiểm tra đôn đốc các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thực hiện xử lý triệt để ô nhiễm môi trường và lập các thủ tục đưa ra khỏi danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo quy định. Đến nay đã có 02/4 đơn vị được chứng nhận việc hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường triệt để (Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên, Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Điện Biên); 02/4 cơ sở thực hiện cơ bản hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm là bãi rác Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt thành phố Điện Biên Phủ.

Các hoạt động cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản, cải tạo phục hồi môi trường nước lưu vực sông; khắc phục ô nhiễm môi trường do quá trình phát triển đô thị, làng nghề, cụm công nghiệp, cải tạo phục hồi môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật.... trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm và triển khai thực hiện.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tính đến hết năm 2017 trên địa bàn toàn tỉnh có 1.003 công trình cấp nước tập trung; tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 77,82%, tăng 15,23% so với năm 2012 (66,90%).

*c. Bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.*

- Công tác bảo vệ và phát triển rừng:

Trong những năm qua công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên được quan tâm thực hiện. Giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017 thực hiện các hạng mục phát triển rừng như sau:

+ Khoán bảo vệ rừng 69.934,4 ha; Khoán khoanh nuôi tái sinh tự nhiên là 21.550,8 ha; Trồng rừng mới tập trung là 3.054,3 ha (trong đó 1.116,45 ha rừng phòng hộ, 1.921,05 ha rừng sản xuất, 16,81 ha rừng đặc dụng); Chăm sóc rừng là 3.596,66 ha; Hỗ trợ gạo chuyển tiếp cho 2.732,08 ha; Trồng cây phân trồng 221.290.000 cây trồng lâm nghiệp các loại

+ Quản lý bảo vệ rừng: Giai đoạn 2013-2017, phát hiện tổng số hành vi vi phạm về lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng là 2.650 vụ. Trong đó, đã ra Quyết

định xử lý 2.104 vụ, tang vật tịch thu là 915.319 m<sup>3</sup> gỗ các loại, thu nộp tài khoản tạm giữ 19.713.125.000 đồng.

+ Chi trả dịch vụ môi trường rừng: Tổ chức đàm phán, thỏa thuận ký kết 12 hợp đồng ủy thác chi trả tiền DVMTR với các đơn vị sử dụng DVMTR nội tỉnh; Tổ chức 178 cuộc tuyên truyền về chính sách chi trả DVMTR với sự tham gia của 5.709 lượt người; 22 lớp tập huấn nghiệp vụ (7 lớp cho kiểm lâm, 15 lớp cho chủ rừng); phối hợp các cơ quan truyền thông xây dựng 26 chuyên mục trên Đài phát thanh, truyền hình (08 chuyên mục phát thanh, 18 chuyên mục truyền hình), xây dựng 5 chuyên mục, 133 tin, bài, ảnh về hoạt động chi trả DVMTR.

In ấn, cấp phát 10.000 tờ rơi, 1.500 tờ áp phích, 3.400 cuốn bản tin hướng dẫn thực hiện chính sách nhằm nâng cao nhận thức cho người dân về chính sách chi trả DVMTR, tổ chức cắm 310 biển báo khu vực chi trả DVMTR; in ấn, cấp phát 1.200 cuốn sổ tay chi trả DVMTR giúp việc quản lý sử dụng tiền chi trả DVMTR tại cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch.

Diện tích chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2017 trên địa bàn toàn tỉnh là 241.143,03 ha (lưu vực Sông Đà: 209.175,99ha; nội tỉnh: 8.228,98 ha; Sông Mã: 23.738,06 ha)

+ Các phương án trồng rừng thay thế đã phê duyệt: Từ năm 2013 đến năm 2017 trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã phê duyệt 36 phương án trồng rừng thay thế cho các công trình, dự án có chuyển đổi diện tích rừng sang mục đích sử dụng khác với tổng diện tích phải thực hiện trồng rừng thay thế là 516,38 ha, trong đó: Dự án thủy điện 15 phương án, diện tích: 347,47 ha; Dự án kinh doanh 05 phương án, diện tích: 67,59 ha; Dự án công cộng 16 phương án, diện tích: 101,32 ha; Kết quả thực hiện trồng rừng thay thế: Tổng diện tích phải thực hiện trồng rừng thay thế: 516,38 ha, trong đó: Diện tích đã thực hiện trồng: 473,34 ha; diện tích chưa thực hiện trồng tính đến thời điểm báo cáo: 43,04 ha, gồm: 38,59 ha diện tích không trồng được chuyển từ năm 2017 sang, 4,45 ha diện tích được phê duyệt năm 2018.

- Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học:

Trong những năm qua HĐND, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ban, ngành tổ chức triển khai tuyên truyền công tác bảo tồn đa dạng sinh học thông qua nhiều hình thức phong phú và thực tiễn; tại các khu bảo tồn thường xuyên mở các lớp tập huấn triển khai các văn bản Luật Đa dạng sinh học, tập huấn chuyên gia công nghệ cho người dân và chính quyền địa phương để xây dựng các mô hình phát triển bền vững.

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 303/NQ-HĐND ngày 13/5/2013 về việc thông qua "Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Điện Biên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030".

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 về việc Phê duyệt dự án "Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Điện Biên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030" theo quy hoạch, tỉnh đang triển khai thực hiện dự án Thành lập khu bảo tồn loài – sinh cảnh cấp Quốc gia

Pá Khoang - Mường Phăng tỉnh Điện Biên, với tổng diện tích quy hoạch 4.436,6 ha; Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với diện tích được quy hoạch là 47.228 ha tăng 1.647 ha so với quy hoạch cũ.

Tăng cường công tác quản lý, tuần tra, kiểm tra kịp thời phát hiện xử lý vi phạm của các tổ chức, cá nhân; qua đó nâng cao ý thức của người dân trong bảo vệ phát triển rừng, bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng tự nhiên, đẩy lùi nguy cơ làm suy giảm đa dạng sinh học.

### **III. HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ.**

#### **3.1. Hạn chế, yếu kém**

##### *- Về ứng phó với biến đổi khí hậu*

Hiểu biết, nhận thức về biến đổi khí hậu còn chưa sâu; nhận biết, nhận dạng về biến đổi khí hậu nhiều nơi chưa rõ; chưa đánh giá đầy đủ các tác động của biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu mới chỉ được coi là nguy cơ mà chưa được xem là cơ hội để thúc đẩy phát triển theo hướng bền vững. Nhận thức về sự cần thiết phải lồng ghép biến đổi khí hậu, cũng như sự cần thiết trong công tác phối hợp liên ngành, liên vùng để ứng phó với biến đổi khí hậu chưa được quan tâm đúng mức.

Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu thiếu đồng bộ, chưa đạt kết quả như yêu cầu của thực tiễn. Công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai vẫn chủ yếu tập trung vào ứng phó và khắc phục hậu quả mà chưa chú trọng đúng mức đến chủ động phòng ngừa. Các hoạt động phòng chống thiên tai còn thiếu tính chuyên nghiệp, năng lực cứu hộ, cứu nạn còn hạn chế. Các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính chưa được đẩy mạnh đúng mức. Năng lượng sạch, năng lượng tái tạo vẫn chưa được phát triển, sử dụng tương xứng với tiềm năng.

##### *- Về quản lý tài nguyên*

Thông tin, dữ liệu về các nguồn tài nguyên (đất đai, khoáng sản, nước, tài nguyên rừng) không đầy đủ, thiếu toàn diện, không thống nhất và chưa được chuẩn hóa. Tài nguyên đất, nước, khoáng sản, các hệ sinh thái, cảnh quan, tiềm năng vị thế... chưa được điều tra, đánh giá đầy đủ, toàn diện về tiềm năng, trữ lượng, giá trị.

Nguồn lực tài nguyên còn bị sử dụng lãng phí, kém hiệu quả, hạn chế khả năng đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác quản lý điều hành triển khai các chương trình, kế hoạch hành động, dự án, đề án về tài nguyên và môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu còn nhiều hạn chế do nguồn lực chưa đáp ứng được nhu cầu.

##### *- Về bảo vệ môi trường*

Nhận thức về bảo vệ môi trường của một số bộ phận, cộng đồng dân cư còn chưa cao, nhất là các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa... công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức còn gặp một số khó khăn do phong tục



tập quán, văn hóa và thói quen của một số bộ phận dân cư trong việc xả nước thải, chất thải gây ô nhiễm môi trường.

Ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của một số bộ phận doanh nghiệp còn chưa tốt, chưa quan tâm đầu tư cải tiến công nghệ xử lý môi trường, còn tồn tại tình trạng một số cơ sở chưa tự giác tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật, vận hành không thường xuyên hệ thống xử lý chất thải không thực hiện đầy đủ các cam kết về bảo vệ môi trường.

Kinh phí cho sự nghiệp bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu của tỉnh có tập trung nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, còn nhiều hạn chế, nhất là đối với các dự án có nguồn kinh phí xử lý lớn cần hỗ trợ từ trung ương.

Công tác đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường còn chưa hiệu quả; Hệ thống thu gom, xử lý rác thải; nghĩa trang, nghĩa địa chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Quy hoạch làng nghề tập chung chưa được triển khai hiệu quả.

### **3.2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém**

#### *a. Nguyên nhân khách quan*

Thời tiết, khí hậu trong các năm qua tiếp tục diễn biến phức tạp, nhanh hơn dự báo, đã gây nhiều tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội, tài nguyên môi trường thời gian qua. Cụ thể như: Rét đậm rét hại diện rộng và kéo dài ở các tỉnh miền Bắc năm 2016; mưa to, lũ lớn, lũ quét ở các tỉnh miền núi phía Bắc các năm 2015, 2016, 2017; hạn hán năm 2016; hiện tượng gió Tây khô nóng (gió Lào) ảnh hưởng đến tỉnh Điện Biên không còn rõ rệt như trước đây...

Sự phát triển của kinh tế- xã hội, cùng với sự gia tăng của dân số, dân cư tự do đến Điện Biên làm cho nhu cầu sử dụng tài nguyên (đất đai, nước, khoáng sản..) ngày càng tăng lên đồng thời gây áp lực cho môi trường.

#### *b. Nguyên nhân chủ quan*

- Về nhận thức: Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp và người dân về công tác ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường còn chưa đầy đủ, thiếu thống nhất, còn thiên về lợi ích kinh tế trước mắt, đôi khi còn chưa coi trọng phát triển bền vững.

- Về cơ chế, chính sách: Một số chủ trương, chính sách, pháp luật chưa được quán triệt và thể chế hoá đầy đủ, kịp thời. Hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ; một số cơ chế, chính sách chưa sát với thực tế, thiếu tính khả thi. Chất lượng công tác dự báo và quy hoạch còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển, thiếu tính tổng thể, liên ngành, liên vùng; chưa rõ trọng tâm, trọng điểm và nguồn lực thực hiện.

- Về tổ chức thực hiện chính sách: Tổ chức bộ máy, quản lý nhà nước và việc phân công, phân cấp, phối hợp giữa các bộ, ban, ngành, địa phương còn thiếu chặt chẽ; tổ chức thực hiện chưa thực sự chủ động, cương quyết; Chủ trương xã hội hoá chưa huy động được sự tham gia của các đoàn thể, hiệp hội, doanh nghiệp, cộng đồng và người dân.

- Về nguồn lực: Nguồn lực đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường mới chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ so với nhu cầu. Mặt khác, chính sách và pháp luật hiện nay vẫn đặt nặng vai trò của

nhà nước, chứ chưa tận dụng các nguồn lực xã hội và sự tham gia của khối tư nhân, cộng đồng. Các quy định pháp luật hay cơ chế, chính sách khuyến khích sự tham gia của xã hội dân sự vào công tác này vẫn còn rất mờ nhạt.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT**

##### **4.1. Khái quát những kết quả đạt được, các hạn chế yếu kém và nguyên nhân sau 05 năm thực hiện Nghị quyết.**

Qua 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 06/3/2013 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI về chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường và Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Chính Phủ trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã có những chuyển biến tích cực góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển, quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội ổn định.

Các chủ trương, chính sách, thông tin về môi trường và biến đổi khí hậu đã được tuyên truyền sâu rộng, kịp thời đến người dân; tổ chức kỷ niệm và phát động các cơ quan, đơn vị, trường học treo băng rôn, khẩu hiệu, pa nô đề nâng cao nhận thức và tầm quan trọng về ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong các ngày lễ lớn. Tiêu chí môi trường được chỉ đạo đưa vào Chương trình xây dựng nông thôn mới; Công tác thanh, kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố cáo về quản lý tài nguyên và môi trường đã được các cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo, tiến hành thường xuyên. Thông qua các hoạt động truyền thông đã làm chuyển biến cơ bản về nhận thức, trách nhiệm và hành động của các tổ chức, cá nhân, đơn vị trong hệ thống chính trị về vai trò, vị trí tầm quan trọng đối với công tác ứng phó với biến đổi khí hậu quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Ngành Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tích cực phối hợp với các cơ quan chuyên ngành trung ương đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, quan trắc, dự báo, cảnh báo về tài nguyên và môi trường. Các hoạt động ứng dụng và chuyển giao các giải pháp công nghệ trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường; sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng; ứng dụng và phát triển công nghệ sạch, thân thiện với môi trường tích cực được thực hiện. Phối hợp với các ngành chuyên môn làm tốt công tác quan trắc, dự báo các biểu hiện bất thường của khí hậu, thời tiết để chủ động ứng phó nhất là các mưa đá, lũ lụt góp phần giảm nhẹ thiệt hại...

Đầu tư cho ứng phó biến đổi khí hậu quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường từ nhiều nguồn, bên cạnh huy động sức dân, các địa phương lồng ghép nhiều nguồn lực từ Trung ương đến địa phương, sự hỗ trợ giúp sức của các tổ chức, doanh nghiệp và của nhân dân... Nguồn kinh phí được sử dụng, quản lý khá hiệu quả tạo cơ hội cho các đơn vị, địa phương phát triển bền vững.

Tuy nhiên, thời gian qua công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh còn bộc lộ một số hạn chế: Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 24 –NQ/TW chưa được một số cấp ủy, chính quyền quan tâm đúng mức; một bộ phận dân cư chưa có ý thức tự giác bảo vệ môi trường sống và tài nguyên thiên nhiên, tình trạng vứt rác, xả nước thải bừa bãi còn xảy ra;

cum công nghiệp, cơ sở sản xuất, dịch vụ chưa tuân thủ nghiêm túc quy định bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, rác thải; một số địa phương chưa hướng dẫn nhân dân cách phân loại rác thải tại nguồn, chưa chú ý chôn lấp, tiêu huỷ tại hộ gia đình, nên rác thải thu gom về bãi tập trung còn lớn; vẫn còn tình trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học không đúng chủng loại, quy cách làm ô nhiễm đất và nước; hệ thống xử lý nước thải, rác thải, của số doanh nghiệp không đạt yêu cầu, chưa được đầu tư nâng cấp; tình trạng xả thẳng nước thải chưa qua xử lý vẫn còn.

#### **4.2. Bài học kinh nghiệm.**

Thường xuyên quan tâm quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 24-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chỉ đạo của chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan ban ngành, MTTQ, các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội, doanh nghiệp và người dân với công tác ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Cấp ủy đảng, chính quyền thường xuyên kiểm tra giám sát nắm chắc tình hình cơ sở để có giải pháp kịp thời khắc phục những hạn chế, khó khăn, gắn lãnh đạo phát triển kinh tế với ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhân dân và các doanh nghiệp về tầm quan trọng của công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; chú trọng lồng ghép với các chương trình mục tiêu và xã hội hóa trong công tác ứng phó biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

Các cấp, các ngành, các cơ quan chuyên môn chủ động tham mưu và phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả các nguồn vốn được đầu tư; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công tác trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường cả về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ.

### **V. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÙ HỢP VỚI TÌNH HÌNH MỚI.**

Để khắc phục các tồn tại hạn chế nêu trên, trên cơ sở thể chế hóa đồng bộ và kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng nêu trong các văn kiện qua các kỳ Đại hội, các nghị quyết của Trung ương, nhất là Nghị quyết số 24-NQ/TW về *Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, cụ thể là:

*Thứ nhất*, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng và yêu cầu khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững tài nguyên.

Tài nguyên cần được nhìn nhận, đánh giá đúng vai trò là nguồn vốn, đầu vào của nền kinh tế, phải được khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững; coi việc khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên là một trong những thước đo đánh giá chất lượng tăng trưởng kinh tế... để khắc phục tình trạng chạy theo thành tích tăng trưởng bằng việc khai thác quá mức các nguồn tài nguyên.

Phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao nhận thức về sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững tài nguyên; thiết lập cơ chế thích hợp, tạo điều kiện để nhân dân tham gia hoặc hỗ trợ đắc lực cho việc giám sát, quản lý tài nguyên, đấu tranh, ngăn chặn các hành vi gây suy thoái tài nguyên.

*Thứ hai*, đẩy mạnh công tác điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế, thiết lập cơ sở dữ liệu, các nguồn tài nguyên (tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng).

Quản triệt quan điểm điều tra cơ bản phải đi trước một bước, cần tập trung đẩy mạnh điều tra cơ bản, đánh giá chất lượng, tiềm năng các loại tài nguyên; từng bước xác định, đánh giá các giá trị kinh tế đối với các loại tài nguyên;

Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu, tăng cường công tác quản lý thông tin, dữ liệu về tài nguyên đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạch định chính sách quản lý tài nguyên, phát triển kinh tế - xã hội.

*Thứ ba*, thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh.

Thông qua tiếp tục đẩy mạnh quá trình chuyển đổi cơ cấu ngành, cơ cấu vùng, cơ cấu thành phần kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế về vị trí địa lý và tài nguyên tái tạo, phát triển các ngành kinh tế xanh, loại bỏ dần những ngành có công nghệ lạc hậu, thâm dụng tài nguyên; khuyến khích, thúc đẩy đầu tư, đổi mới, áp dụng công nghệ sạch, công nghệ cao, thân thiện môi trường trong các ngành khai thác, chế biến tài nguyên; đẩy mạnh thực hiện các biện pháp giảm chất thải trong sản xuất, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải sau sản xuất và tiêu dùng; thực hiện thống kê, kiểm kê và đánh giá hiệu quả sử dụng tài nguyên trong nền kinh tế ít nhất 5 năm một lần nhằm bảo đảm cung cấp thông tin về tình hình và hiệu quả khai thác, sử dụng; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sản xuất và sử dụng năng lượng theo hướng tăng mạnh tỷ trọng năng lượng mới, năng lượng tái tạo; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, nguyên nhiên vật liệu mới.

*Thứ tư*, hoàn thiện hệ thống quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên bảo đảm phân bổ nguồn lực tài nguyên hợp lý cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tập trung nâng cao chất lượng quy hoạch tài nguyên bảo đảm gắn kết với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; xác định rõ tiềm năng, lợi thế về tài nguyên của đất nước, làm cơ sở, tiền đề cho việc lập quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và vùng; lồng ghép các tiêu chí sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững tài nguyên vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành và các vùng lãnh thổ giai đoạn 2016 - 2020; thử nghiệm phân vùng chức năng dựa trên đặc tính sinh thái từng vùng, tiềm năng tài nguyên và tác động của biến đổi khí hậu phục vụ quy hoạch phát triển, hướng tới làm rõ khu vực được ưu tiên, khu vực hạn chế hoặc cấm khai thác tài nguyên, các hoạt động kinh tế nhằm giảm xung đột giữa quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu xây dựng định hướng chiến lược sử dụng đất đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2100 làm căn cứ cho việc lập quy hoạch sử dụng đất trong các giai đoạn tới.

*Thứ năm*, tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật và cơ chế quản lý, sử dụng tài nguyên phù hợp với yêu cầu và bối cảnh mới.

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chế độ sở hữu, quyền khai thác, sử dụng các loại tài nguyên; cơ chế tiếp cận, định giá, hạch toán tài nguyên trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Vấn đề chia sẻ lợi ích, đền bù, hỗ trợ giữa các bên liên quan trong khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên cũng còn nhiều bất cập, cần phải được nghiên cứu, tổng kết, đánh giá, đổi mới, bổ sung cho phù hợp.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các cơ chế, chính sách về tạo nguồn thu ngân sách, chia sẻ lợi ích với các bên liên quan dựa trên nguyên tắc người hưởng lợi từ tài nguyên phải trả tiền; về áp dụng các công cụ kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững trong khai thác, sử dụng tài nguyên, đặc biệt là các chính sách thuế, phí, lệ phí; về khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng công nghệ, thiết bị tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm tài nguyên, khai thác, sử dụng năng lượng tái tạo, vật liệu mới, vật liệu tái chế trong hoạt động sản xuất và dịch vụ. Thiết lập cơ chế giải quyết tranh chấp, xung đột lợi ích trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

Việc tổng kết, đánh giá, nhân rộng các cơ chế, công cụ kinh tế, mô hình đồng quản lý tài nguyên áp dụng trong thực tiễn quản lý một số loại tài nguyên đã phát huy được tác dụng trên thực tế. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế phân cấp đi kèm với giám sát, đánh giá bảo đảm phù hợp với năng lực thực tế và điều kiện của các địa phương. Việc đổi mới cơ chế, chính sách quản lý tài nguyên phải đồng bộ với chủ trương nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

*Thứ sáu*, tăng cường năng lực tổ chức thực hiện và cơ chế giám sát, đánh giá việc thực thi các chiến lược, quy hoạch, chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên.

Kiểm toàn bộ máy quản lý nhà nước, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ nhà nước về quản lý tài nguyên ở Trung ương và địa phương. Khắc phục tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, phân công, phân cấp không phù hợp; hình thành cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả trên cơ sở phân công trách nhiệm rõ ràng và hợp lý giữa các bộ, ngành trong hoạt động điều tra cơ bản, quản lý, sử dụng tài nguyên. Tăng cường đào tạo, phát triển nhân lực, đặc biệt là nhân lực có chất lượng cao về quản lý tài nguyên góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội và người dân trong giám sát việc khai thác, sử dụng tài nguyên.

## **VI. KIẾN NGHỊ**

Đề nghị với Ban Chỉ đạo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW có ý kiến với Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Xây dựng hoàn thiện, đồng bộ các cơ chế, chính sách và các văn bản pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đồng thời bổ sung thêm các quy định quản lý đặc thù riêng đối với các khu kinh tế, cụm công nghiệp và làng nghề.

- Ban hành các chính sách cụ thể để khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, khuyến khích doanh nghiệp sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, phát triển mô hình sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Cải tiến thủ tục hành chính và ban hành các cơ chế, chính sách mở, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tiếp cận với các công nghệ mới và các nguồn vốn vay ưu đãi để xử lý ô nhiễm.

- Tiếp tục hỗ trợ kinh phí, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật xử lý môi trường cho tỉnh để thực hiện các dự án xử lý chất thải và khắc phục triệt để ô nhiễm môi trường tại các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng.

- Tăng cường hỗ trợ kinh phí cho địa phương thực hiện các chương trình, dự án về thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nơi nhận:

- Ban Kinh tế TW (b/c),
- Thường trực tỉnh ủy,
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- Các sở: TN&MT, NN&PTNN, KHĐT, CT, GTVT,
- UBND các huyện, thị xã, thành phố,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH<sub>1</sub>.



**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Lâm Văn Năm**